

**NĂM HỌC 2018 – 2019**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-DTNTMC ngày /3/2019 của Trường PTDTNT THCS&THPT Mai Châu)*

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chuyên môn</b>	<b>Chức vụ, kiêm nhiệm</b>	<b>Giảng dạy</b>	<b>BD PD</b>	<b>Ghi chú</b>
*	<b>Giáo viên cơ hữu</b>					
1.	Phạm Thị Huệ	Công nghệ	H. trưởng	Công nghệ 9A,B (2)		2t/tuần
2.	Tạ Quang Sỹ	Toán	P. HT	Toán 7B(4);		4t/tuần
3.	Hà Thị Dung	Tiếng Anh	P. HT	Tiếng Anh 9(4)		4t/tuần
4.	Nguyễn Thị Hà	Toán-Lí	CT CĐ (3)	Toán 8A,B(8); Vật lí 6A,B(2); Hướng nghiệp 9 + PD		11/14t/tuần
5.	Hồ Suýt Khênh	Toán-Lí	GVCN 9A (4)	Toán 9A,B(8); Sinh 7A,B(4) + PD		12/16t/tuần
6.	Bùi Thị Yên	Toán-Lí	GVCN 8B,TK	Toán 6A,B(8); Vật lí 8A,B(2) + PD		10/16t/tuần
7.	Hà Thị Minh	Toán-Lí	GVCN 7A	Toán 7A(4); CN 6A,B(4); Công nghệ 7A,B (3) + PD		11/15t/tuần
8.	Phạm Thị Nguyệt	Văn –Sử	GVCN 9B (4)	Văn9A,B(10); Sử 6A,B(2);		12/16t/tuần
9.	Phạm Hồng Thúy	Văn-TV	Tổ trưởng(3)	Văn 8A,B(8);_Văn 10 (3+1) + PD		12/15t/tuần
10.	Trần Thu Trang	Văn-Địa	GVCN 6A	Văn 6A,B(8); Địa7A,B(4); GDCD 8A(1)		13/16t/tuần
11.	Bùi Thị Thu	Văn-TV	Lao động K A(3)	Văn 7A,B(8); GDCD 9A,B(2); Sử 7A,B(4)		14/17t/tuần
12.	Phạm Tiến Dũng	Lí-CN	Tổ trưởng(3)	Vật lý 7A,B (2); Lí 9A,B(4);CN 8A,B(4); CN 10(2); CN 11(2) + BD		14/17t/tuần
13.	Hà Văn Giáp	Thể dục	TPT Đội	TD10,11(4) ; GDQP-AN 10(1); GDQP-AN 11(1)		6t/tuần
14.	Lê Thị Tuyết	Văn- Sử	BT Đoàn	Sử 8A,B(2); Sử 9A,B(4); Sử 10(2)		8/17t/tuần
15.	Hà Thị Dung	Hóa-Sinh	GVCN 6B	Sinh 6A,B(4); Hóa 9A,B(4); Sinh 9A,B(4) + BD		12/16t/tuần
16.	Trịnh Bình Thìn	T. Anh	GVCN7B(4)	Anh 7A,B(6); Anh 8B (3); GDCD 7A,B(2); GDCD 8B(1)		12/16t/tuần
17.	Ngân Thị Hữu	T. Anh	Lao động K B (3)	Anh 6A, B(6); Anh 8A (3)+ PD; NT		9/17t/tuần
18.	Hà Công Vĩnh	Mĩ thuật	PBT đoàn (6)	Họa 6,7,8(6); GDCD6A,B(2); TD6B(2),		10/16t/tuần
19.	Phạm Triều Đình	Thể dục	Thể thao (3)	Thể dục 6A; Thể dục Khối 7,8,9		17t/tuần
20.	Nguyễn Thị Anh	Hóa-Địa	GVCN 8A(4)	Địa 6A,B(2); Địa 8A,B(4); Địa 9A,B(2); Hóa 8A,B(4)+BD		12/16t/tuần
21.	Ngân Văn Toàn	Tin học		Tin học khối 6,7,8,9; Tin 10(2); Tin 11 (2)		20/20t/tuần
22.	Hà Thị Vinh	Toán	GVCN 11(4)	Toán 10, 11(8), con nhỏ		8/15tuần
23.	Dương Việt Hồng	Sinh-Hóa	Con nhỏ + BD	Sinh 10(1); Sinh 11(2); Hóa 10(2); Hóa11(2) +Sinh8A,B(4)		13/16

*	<b>Giáo viên thỉnh giảng, hợp đồng</b>					
1.	Đoàn Thị Huyền	Ngữ văn	THPT MC	Ngữ văn 11 (3)		3t/tuần
2.	Nguyễn V. Trường	Vật lí	THPT MC	Vật lí 10,11 (4)		4t/tuần
3.	Bùi Thị Hà	Lịch sử	THPT MC	Lịch sử 11(1+1)		2t/tuần
4.	Phạm Văn Quang	Địa lí	THPT MC	Địa lí 10(2),11(1)		3t/tuần
5.	Ngân Thu Hương	GDCD	THPT MC	GDCD 10,11(2)		2t/tuần
6.	Hà Văn Linh	Âm nhạc	Văn nghệ (3)	Nhạc 6,7,8,9 (8)		8t/tuần